

Số: 65 /2014/QĐ-UBND

Đà Lạt, ngày 05 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định hạn mức giao đất ở và hạn mức công nhận đất ở
đối với thửa đất ở có vườn, ao trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 693/TTr-STNMT ngày 30 tháng 10 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định hạn mức giao đất ở và hạn mức công nhận đất ở đối với thửa đất có vườn, ao để làm cơ sở xác định quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, tài chính, thuế và các cơ quan khác có liên quan;

2. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 5 của Luật Đất đai và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Hạn mức giao đất ở quy định tại Quyết định này được áp dụng để xác định quyền và nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất cho các trường hợp:

1. Giao đất cho hộ gia đình, cá nhân để xây dựng nhà ở;
2. Cho phép hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng nhà ở;
3. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất;
4. Bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước;

5. Xử lý tồn tại đối với nhà ở có nguồn gốc thanh lý, hóa giá trước ngày 05/7/1994;

6. Miễn, giảm tiền sử dụng đất cho các đối tượng được miễn, giảm theo chính sách hiện hành của Nhà nước;

7. Bồi thường, hỗ trợ về đất ở cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 4. Hạn mức giao đất ở

1. Đối với đất ở tại nông thôn quy định tại khoản 2 Điều 143 Luật Đất đai: Thuộc các xã của thành phố Đà Lạt, thành phố Bảo Lộc và các huyện: 400 m².

2. Đối với đất ở tại đô thị quy định tại khoản 4 Điều 144 Luật Đất đai:

a) Phường 1, phường 2, thành phố Đà Lạt, phường 1, phường 2 và phường B'lao, thành phố Bảo Lộc: 200 m²;

b) Các phường còn lại thuộc thành phố Đà Lạt, thành phố Bảo Lộc và các thị trấn thuộc các huyện: 300 m².

Điều 5. Hạn mức công nhận đất ở đối với thửa đất ở có vườn, ao

1. Trong quá trình xác định diện tích đất ở đối với trường hợp có vườn, ao quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 103 của Luật Đất đai thì hạn mức giao đất ở tại nông thôn và hạn mức giao đất ở tại đô thị thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quyết định này.

2. Đối với trường hợp thửa đất ở có vườn, ao được hình thành từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và người đang sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai mà trong giấy tờ đó không ghi rõ diện tích đất ở thì hạn mức công nhận đất ở cho mỗi hộ gia đình theo số lượng nhân khẩu trong hộ gia đình (quy định tại điểm a khoản 4 Điều 103 của Luật đất đai) như sau:

a) Hạn mức giao đất ở quy định tại Điều 4 Quyết định này áp dụng đối với hộ gia đình có từ bốn (04) nhân khẩu trở xuống đang cùng sinh sống trên thửa đất; từ nhân khẩu thứ năm (05) trở đi, mỗi nhân khẩu tăng thêm được cộng một phần bốn (1/4) hạn mức giao đất ở đã quy định;

b) Số lượng nhân khẩu trong hộ để tính hạn mức công nhận đất ở theo quy định tại khoản này được áp dụng đối với vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, con đẻ, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột, cháu nội, cháu ngoại, cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi theo quy định pháp luật của chủ sử dụng đất và có cùng hộ khẩu thường trú với chủ sử dụng đất trước thời điểm công nhận đất ở cho mỗi hộ gia đình.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 42/2011/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2011 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc quy định hạn mức đất ở và hạn mức công nhận đất ở đối thửa đất ở có vườn, ao trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Lao động Thương binh và Xã hội, Tư pháp, Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Đà Lạt, thành phố Bảo Lộc, thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đài PTTH Lâm Đồng; Báo Lâm Đồng;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Như điều 7;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, ĐC, XD₁, VX₃, KT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoàn Văn Việt